

Số: 139/QĐ-CĐBP

Bình Phước, ngày 07 tháng 6 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công nhận kết quả điểm rèn luyện

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Bình Phước, ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-CĐBP ngày 15/4/2024 của Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 346/QĐ-CĐBP ngày 15/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước về việc ban hành Quy chế Công tác học sinh, sinh viên;

Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường Trung cấp, Cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận kết quả rèn luyện học kỳ I,II, cả năm của học sinh, sinh viên lớp 22TYS.2, năm học 2022-2023; 21CMN.25, 21CDCQ.5, năm học 2023-2024 (Có danh sách kèm theo);

**Điều 2.** Điểm rèn luyện là căn cứ xét học bổng khuyến khích học tập, khen thưởng theo Quy chế. Điểm rèn luyện của học sinh sinh viên được lưu trong hồ sơ và được ghi vào bảng điểm học tập cuối khoá của học sinh sinh viên;

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo, trưởng đơn vị có liên quan, giáo viên chủ nhiệm và sinh viên có tên tại **Điều 1** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### Nơi nhận

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VT,ĐT (Thoa).

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỜNG  
CAO ĐẲNG  
BÌNH PHƯỚC  
Nguyễn Bích Liên

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HKI LỚP 21CDCQ.5**  
(Năm học: 2023- 2024)

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)

Tổng số sinh viên: 17

| TT | Họ tên sinh viên     | Ngày sinh   | Tổng hợp kết quả rèn luyện |          | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------|----------------------------|----------|---------|
|    |                      |             | Học kỳ 1                   | Xếp loại |         |
| 1  | Đỗ Thị Kim Anh       | 13/10//2002 | 86.0                       | Tốt      |         |
| 2  | Bùi Thị Đào          | 23/1/1987   | 88.0                       | Tốt      |         |
| 3  | Trần Thuý Hân        | 20/6/2003   | 95                         | Xuất sắc |         |
| 4  | Nguyễn Thị Ngọc Hiền | 24/2/1997   | 98.0                       | Xuất sắc |         |
| 5  | Lê Thị Thanh Hiếu    | 31/5/2001   | 98.0                       | Xuất sắc |         |
| 6  | Dương Tiến Kiên      | 12/6/1993   | 86.0                       | Tốt      |         |
| 7  | Hoàng Thị Thanh Mai  | 10/8/2002   | 93.0                       | Xuất sắc |         |
| 8  | Bùi Đại Nghĩa        | 17/9/1999   | 89.0                       | Tốt      |         |
| 9  | Lê Thị Mỹ Nhung      | 4/11/2003   | 87                         | Tốt      |         |
| 10 | Vòng Pình Phùng      | 24/6/1982   | 88                         | Tốt      |         |
| 11 | Nguyễn Mai Phương    | 16/12/1999  | 83                         | Tốt      |         |
| 12 | Phạm Ngọc Phụng      | 8/6/2003    | 87                         | Tốt      |         |
| 13 | Võ Nhị Tỷ San        | 4/12/1997   | 89                         | Tốt      |         |
| 14 | Lê Thị Thu           | 10/2/1990   | 86                         | Tốt      |         |
| 15 | Bùi Anh Thư          | 21/5/2003   | 93                         | Xuất sắc |         |
| 16 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | 21/3/1983   | 88                         | Tốt      |         |
| 17 | Hoàng Văn Tú         | 27/6/1995   | 94                         | Xuất sắc |         |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|-------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 6     | 35.3    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 11    | 64.7    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0     | 0.0     |            |       |         |

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HKII LỚP 21CDCQ.5**  
(Năm học: 2023- 2024)

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của  
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)

Tổng số sinh viên: 17

| TT | Họ tên sinh viên     | Ngày sinh   | Tổng hợp kết quả rèn luyện |          | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------|----------------------------|----------|---------|
|    |                      |             | Học kỳ 2                   | Xếp loại |         |
| 1  | Đỗ Thị Kim Anh       | 13/10//2002 | 86.0                       | Tốt      |         |
| 2  | Bùi Thị Đào          | 23/1/1987   | 88.0                       | Tốt      |         |
| 3  | Trần Thuý Hân        | 20/6/2003   | 95                         | Xuất sắc |         |
| 4  | Nguyễn Thị Ngọc Hiền | 24/2/1997   | 98.0                       | Xuất sắc |         |
| 5  | Lê Thị Thanh Hiếu    | 31/5/2001   | 98.0                       | Xuất sắc |         |
| 6  | Dương Tiên Kiên      | 12/6/1993   | 86.0                       | Tốt      |         |
| 7  | Hoàng Thị Thanh Mai  | 10/8/2002   | 93.0                       | Xuất sắc |         |
| 8  | Bùi Đại Nghĩa        | 17/9/1999   | 89.0                       | Tốt      |         |
| 9  | Lê Thị Mỹ Nhung      | 4/11/2003   | 87                         | Tốt      |         |
| 10 | Vòng Pình Phùng      | 24/6/1982   | 88                         | Tốt      |         |
| 11 | Nguyễn Mai Phương    | 16/12/1999  | 83                         | Tốt      |         |
| 12 | Phạm Ngọc Phụng      | 8/6/2003    | 87                         | Tốt      |         |
| 13 | Võ Nhị Tỹ San        | 4/12/1997   | 89                         | Tốt      |         |
| 14 | Lê Thị Thu           | 10/2/1990   | 86                         | Tốt      |         |
| 15 | Bùi Anh Thư          | 21/5/2003   | 93                         | Xuất sắc |         |
| 16 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | 21/3/1983   | 88                         | Tốt      |         |
| 17 | Hoàng Văn Tú         | 27/6/1995   | 94                         | Xuất sắc |         |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|-------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 6     | 35.3    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 11    | 64.7    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0     | 0.0     |            |       |         |

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
TRƯỜNG CD BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CẢ NĂM  
LỚP 21CDCQ.5 - NĂM HỌC 2023- 2024**

(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của HT Trường CD Bình Phước)  
Tổng số sinh viên: 17

| TT | Họ và Tên            | Ngày sinh   | Tổng hợp kết quả rèn luyện |          |        |          | Ghi chú |
|----|----------------------|-------------|----------------------------|----------|--------|----------|---------|
|    |                      |             | Học kỳ 1                   | Học kỳ 2 | Cả năm | Xếp loại |         |
| 1  | Đỗ Thị Kim Anh       | 13/10//2002 | 86.0                       | 86.0     | 86.0   | Tốt      |         |
| 2  | Bùi Thị Đào          | 23/1/1987   | 88.0                       | 88.0     | 88.0   | Tốt      |         |
| 3  | Trần Thuý Hân        | 20/6/2003   | 95                         | 95       | 95.0   | Xuất sắc |         |
| 4  | Nguyễn Thị Ngọc Hiền | 24/2/1997   | 98.0                       | 98.0     | 98.0   | Xuất sắc |         |
| 5  | Lê Thị Thanh Hiếu    | 31/5/2001   | 98.0                       | 98.0     | 98.0   | Xuất sắc |         |
| 6  | Dương Tiến Kiên      | 12/6/1993   | 86.0                       | 86.0     | 86.0   | Tốt      |         |
| 7  | Hoàng Thị Thanh Mai  | 10/8/2002   | 93.0                       | 93.0     | 93.0   | Xuất sắc |         |
| 8  | Bùi Đại Nghĩa        | 17/9/1999   | 89.0                       | 89.0     | 89.0   | Tốt      |         |
| 9  | Lê Thị Mỹ Nhung      | 4/11/2003   | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 10 | Vòng Pình Phùng      | 24/6/1982   | 88                         | 88       | 88.0   | Tốt      |         |
| 11 | Nguyễn Mai Phương    | 16/12/1999  | 83                         | 83       | 83.0   | Tốt      |         |
| 12 | Phạm Ngọc Phượng     | 8/6/2003    | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 13 | Võ Nhị Tỹ San        | 4/12/1997   | 89                         | 89       | 89.0   | Tốt      |         |
| 14 | Lê Thị Thu           | 10/2/1990   | 86                         | 86       | 86.0   | Tốt      |         |
| 15 | Bùi Anh Thư          | 21/5/2003   | 93                         | 93       | 93.0   | Xuất sắc |         |
| 16 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | 21/3/1983   | 88                         | 88       | 88.0   | Tốt      |         |
| 17 | Hoàng Văn Tú         | 27/6/1995   | 94                         | 94       | 94.0   | Xuất sắc |         |

| Xếp loại | Số HSSV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|---------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 6       | 35.3    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 11      | 64.7    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0       | 0.0     |            |       |         |

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA HỌC LỚP K21CDCQ.5**  
(Khóa học: 2021- 2024)

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của HT Trường CĐ Bình Phước)  
Tổng số sinh viên: 17

| TT | Họ tên sinh viên     | Ngày sinh   | Tổng hợp kết quả rèn luyện |           |           |               | Xếp loại | Ghi Chú |
|----|----------------------|-------------|----------------------------|-----------|-----------|---------------|----------|---------|
|    |                      |             | Năm thứ 1                  | Năm thứ 2 | Năm thứ 3 | Toàn khóa học |          |         |
| 1  | Đỗ Thị Kim Anh       | 13/10//2002 | 87.5                       | 84.0      | 86.0      | 85.8          | Tốt      |         |
| 2  | Bùi Thị Đào          | 23/1/1987   | 94.0                       | 94.5      | 88.0      | 92.2          | Xuất sắc |         |
| 3  | Trần Thuý Hân        | 20/6/2003   | 87.5                       | 84.5      | 95.0      | 89.0          | Tốt      |         |
| 4  | Nguyễn Thị Ngọc Hiền | 24/2/1997   | 94.0                       | 93.0      | 98.0      | 95.0          | Xuất sắc |         |
| 5  | Lê Thị Thanh Hiếu    | 31/5/2001   | 99.0                       | 95.5      | 98.0      | 97.5          | Xuất sắc |         |
| 6  | Dương Tiến Kiên      | 12/6/1993   | 87.5                       | 85.0      | 86.0      | 86.2          | Tốt      |         |
| 7  | Hoàng Thị Thanh Mai  | 10/8/2002   | 84.0                       | 87.5      | 93.0      | 88.2          | Tốt      |         |
| 8  | Bùi Đại Nghĩa        | 17/9/1999   | 94.0                       | 91.5      | 89.0      | 91.5          | Xuất sắc |         |
| 9  | Lê Thị Mỹ Nhung      | 4/11/2003   | 86.5                       | 79.5      | 87.0      | 84.3          | Tốt      |         |
| 10 | Vòng Pình Phùng      | 24/6/1982   | 87.0                       | 84.5      | 88.0      | 86.5          | Tốt      |         |
| 11 | Nguyễn Mai Phương    | 16/12/1999  | 86.5                       | 80.0      | 83.0      | 83.2          | Tốt      |         |
| 12 | Phạm Ngọc Phượng     | 8/6/2003    | 87.0                       | 84.0      | 87.0      | 86.0          | Tốt      |         |
| 13 | Võ Nhị Tỹ San        | 4/12/1997   | 88.5                       | 85.5      | 89.0      | 87.7          | Tốt      |         |
| 14 | Lê Thị Thu           | 10/2/1990   | 87.5                       | 80.0      | 86.0      | 84.5          | Tốt      |         |
| 15 | Bùi Anh Thư          | 21/5/2003   | 88.0                       | 84.5      | 93.0      | 88.5          | Tốt      |         |
| 16 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | 21/3/1983   | 87.5                       | 85.5      | 88.0      | 87.0          | Tốt      |         |
| 17 | Hoàng Văn Tú         | 27/6/1995   | 93.5                       | 93.0      | 94.0      | 93.5          | Xuất sắc |         |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ |
|----------|-------|---------|------------|-------|-------|
| Xuất sắc | 5     | 29.4    | Trung bình | 0     | 0     |
| Tốt      | 12    | 70.6    | Yếu        | 0     | 0     |
| Khá      | 0     | 0.0     | Kém        | 0     | 0     |

**BẢN DANH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HKI LỚP 21CMN.25**  
(Năm học: 2023- 2024)

(Kèm theo QĐ số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường CĐBP)  
Tổng số sinh viên: 34

| TT | Họ tên sinh viên          | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả |          | Ghi chú |
|----|---------------------------|------------|------------------|----------|---------|
|    |                           |            | Học kỳ 1         | Xếp loại |         |
| 1  | Võ Hoài Ân                | 30/11/2003 | 87               | Tốt      |         |
| 2  | Phạm Thị Hồng Ân          | 23/8/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 3  | Thị Bích                  | 01/06/2003 | 87               | Tốt      |         |
| 4  | Dương Thị Ngọc Bích       | 10/3/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 5  | Điều Thị Bót              | 17/4/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 6  | Đào Thị Hồng Dung         | 02/01/1997 | 92               | Xuất sắc |         |
| 7  | Nguyễn Thị Thùy Dương     | 06/2/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 8  | Võ Thị Hà Giang           | 22/08/2003 | 92               | Xuất sắc |         |
| 9  | Lê Ngọc Hồng Hạnh         | 12/10/2003 | 87               | Tốt      |         |
| 10 | Nguyễn Thị Bích Hạnh      | 27/03/2003 | 97               | Xuất sắc |         |
| 11 | Hứa Thị Thúy Hằng         | 16/4/2001  | 87               | Tốt      |         |
| 12 | Hoàng Thị Mỹ Hiên         | 16/9/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 13 | Điều Thị Mỹ Huệ           | 22/5/2000  | 86               | Tốt      |         |
| 14 | Phạm Thị Huyền            | 22/08/2003 | 87               | Tốt      |         |
| 15 | Nguyễn Thị Ngọc Khánh     | 28/10/2003 | 94               | Xuất sắc |         |
| 16 | Điều Thị Khé              | 03/11/2002 | 87               | Tốt      |         |
| 17 | Bùi Thị Thuỳ Liên         | 18/9/2002  | 85               | Tốt      |         |
| 18 | Nguyễn Thị Mỹ Linh        | 17/6/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 19 | Đỗ Thị Lợi                | 6/11/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 20 | Nguyễn Thị Trúc Ly        | 23/05/2002 | 87               | Tốt      |         |
| 21 | Nguyễn Thị Ngọc Mai       | 28/06/2003 | 87               | Tốt      |         |
| 22 | Nguyễn Thị Ngọc Mai       | 05/04/2002 | 87               | Tốt      |         |
| 23 | Điều Thị Ái Nga           | 11/9/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 24 | Đoàn Trang Nhung          | 19/2/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 25 | Hoàng Thị Phương          | 13/06/2003 | 87               | Tốt      |         |
| 26 | Nguyễn Thị Phụng          | 26/7/2002  | 87               | Tốt      |         |
| 27 | Điều Thị Quyn             | 11/7/2003  | 92               | Xuất sắc |         |
| 28 | Lâm Điều Thị Hoàng Tâm    | 25/10/2003 | 87               | Tốt      |         |
| 29 | Vi Thị Tâm                | 13/10/2003 | 87               | Tốt      |         |
| 30 | Trần Lê Nghĩa Hoài Thương | 19/5/2003  | 87               | Tốt      |         |
| 31 | Đình Minh Trang           | 30/10/2000 | 87               | Tốt      |         |

|    |                 |       |            |    |          |  |
|----|-----------------|-------|------------|----|----------|--|
| 32 | Nguyễn Thị Ái   | Trâm  | 22/05/2003 | 87 | Tốt      |  |
| 33 | Nguyễn Thị Nhật | Vy    | 15/04/2003 | 92 | Xuất sắc |  |
| 34 | Trần Thị Ngọc   | Huyền | 23/3/2002  | 87 | Tốt      |  |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|-------|---------|------|-------|---------|
| Xuất sắc | 6     | 17.6    | TB   | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 28    | 82.4    | Yếu  | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0     | 0.0     |      |       |         |

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HKII LỚP 21CMN.25**

(Năm học: 2023- 2024)

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CDBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của HT Trường CĐ BP)  
Tổng số sinh viên: 33

| TT | Họ tên sinh viên          | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả rèn |          | Ghi chú |
|----|---------------------------|------------|----------------------|----------|---------|
|    |                           |            | Học kỳ 2             | Xếp loại |         |
| 1  | Võ Hoài Ân                | 30/11/2003 | 87                   | Tốt      |         |
| 2  | Phạm Thị Hồng Ân          | 23/8/2003  | 87                   | Tốt      |         |
| 3  | Thị Bích                  | 01/06/2003 | 87                   | Tốt      |         |
| 4  | Dương Thị Ngọc Bích       | 10/3/2003  | 87                   | Tốt      |         |
| 5  | Điều Thị Bót              | 17/4/2003  | 87                   | Tốt      |         |
| 6  | Đào Thị Hồng Dung         | 02/01/1997 | 93                   | Xuất sắc |         |
| 7  | Nguyễn Thị Thùy Dương     | 06/2/2003  | 88                   | Tốt      |         |
| 8  | Võ Thị Hà Giang           | 22/08/2003 | 93                   | Xuất sắc |         |
| 9  | Lê Ngọc Hồng Hạnh         | 12/10/2003 | 87                   | Tốt      |         |
| 10 | Hứa Thị Thúy Hằng         | 16/4/2001  | 87                   | Tốt      |         |
| 11 | Hoàng Thị Mỹ Hiên         | 16/9/2003  | 88                   | Tốt      |         |
| 12 | Điều Thị Mỹ Huệ           | 22/5/2000  | 86                   | Tốt      |         |
| 13 | Phạm Thị Huyền            | 22/08/2003 | 87                   | Tốt      |         |
| 14 | Nguyễn Thị Ngọc Khánh     | 28/10/2003 | 95                   | Xuất sắc |         |
| 15 | Điều Thị Khé              | 03/11/2002 | 88                   | Tốt      |         |
| 16 | Bùi Thị Thuý Liên         | 18/9/2002  | 88                   | Tốt      |         |
| 17 | Nguyễn Thị Mỹ Linh        | 17/6/2003  | 88                   | Tốt      |         |
| 18 | Đỗ Thị Lợi                | 6/11/2003  | 88                   | Tốt      |         |
| 19 | Nguyễn Thị Trúc Ly        | 23/05/2002 | 88                   | Tốt      |         |
| 20 | Nguyễn Thị Ngọc Mai       | 28/06/2003 | 87                   | Tốt      |         |
| 21 | Nguyễn Thị Ngọc Mai       | 05/04/2002 | 87                   | Tốt      |         |
| 22 | Điều Thị Ái Nga           | 11/9/2003  | 88                   | Tốt      |         |
| 23 | Đoàn Trang Nhung          | 19/2/2003  | 88                   | Tốt      |         |
| 24 | Hoàng Thị Phương          | 13/06/2003 | 88                   | Tốt      |         |
| 25 | Nguyễn Thị Phượng         | 26/7/2002  | 88                   | Tốt      |         |
| 26 | Điều Thị Quyn             | 11/7/2003  | 93                   | Xuất sắc |         |
| 27 | Lâm Điều Thị Hoàng Tâm    | 25/10/2003 | 88                   | Tốt      |         |
| 28 | Vi Thị Tâm                | 13/10/2003 | 88                   | Tốt      |         |
| 29 | Trần Lê Nghĩa Hoài Thương | 19/5/2003  | 87                   | Tốt      |         |
| 30 | Đinh Minh Trang           | 30/10/2000 | 97                   | Xuất sắc |         |
| 31 | Nguyễn Thị Ái Trâm        | 22/05/2003 | 87                   | Tốt      |         |
| 32 | Nguyễn Thị Nhật Vy        | 15/04/2003 | 88                   | Tốt      |         |
| 33 | Trần Thị Ngọc Huyền       | 23/3/2002  | 87                   | Tốt      |         |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|-------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 5     | 15.2    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 28    | 84.8    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0     | 0.0     |            |       |         |

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN TOÀN KHÓA HỌC LỚP K21CMN.25**

(Khóa học: 2021- 2024)

(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-CĐBP ngày 7 tháng 6 năm 2024 của HT Trường CĐ Bình Phước)

Tổng số sinh viên: 33

| TT | Họ tên sinh viên          | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả rèn luyện |           |           |               | Xếp loại | Ghi Chú |
|----|---------------------------|------------|----------------------------|-----------|-----------|---------------|----------|---------|
|    |                           |            | Năm thứ 1                  | Năm thứ 2 | Năm thứ 3 | Toàn khóa học |          |         |
| 1  | Võ Hoài Ân                | 30/11/2003 | 83.0                       | 73.5      | 87.0      | 81.2          | Tốt      |         |
| 2  | Phạm Thị Hồng Ân          | 23/8/2003  | 83.0                       | 75.5      | 87.0      | 81.8          | Tốt      |         |
| 3  | Thị Bích                  | 01/06/2003 | 90.0                       | 80.5      | 87.0      | 85.8          | Tốt      |         |
| 4  | Dương Thị Ngọc Bích       | 10/3/2003  | 89.0                       | 82.5      | 87.0      | 86.2          | Tốt      |         |
| 5  | Điều Thị Bớt              | 17/4/2003  | 83.0                       | 82.5      | 87.0      | 84.2          | Tốt      |         |
| 6  | Đào Thị Hồng Dung         | 02/01/1997 | 92.0                       | 80.5      | 92.5      | 88.3          | Tốt      |         |
| 7  | Nguyễn Thị Thùy Dương     | 06/2/2003  | 83.0                       | 82.5      | 87.5      | 84.3          | Tốt      |         |
| 8  | Võ Thị Hà Giang           | 22/08/2003 | 83.0                       | 75.5      | 92.5      | 83.7          | Tốt      |         |
| 9  | Lê Ngọc Hồng Hạnh         | 12/10/2003 | 83.0                       | 71.0      | 87.0      | 80.3          | Tốt      |         |
| 10 | Hứa Thị Thúy Hằng         | 16/4/2001  | 83.0                       | 82.5      | 87.0      | 84.2          | Tốt      |         |
| 11 | Hoàng Thị Mỹ Hiên         | 16/9/2003  | 92.0                       | 80.5      | 87.5      | 86.7          | Tốt      |         |
| 12 | Điều Thị Mỹ Huệ           | 22/5/2000  | 95.0                       | 71.0      | 86.0      | 84.0          | Tốt      |         |
| 13 | Phạm Thị Huyền            | 22/08/2003 | 85.0                       | 71.5      | 87.0      | 81.2          | Tốt      |         |
| 14 | Nguyễn Thị Ngọc Khánh     | 28/10/2003 | 98.0                       | 80.5      | 94.5      | 91.0          | Xuất sắc |         |
| 15 | Điều Thị Khé              | 03/11/2002 | 89.0                       | 81.0      | 87.5      | 85.8          | Tốt      |         |
| 16 | Bùi Thị Thuỳ Liên         | 18/9/2002  | 89.0                       | 81.0      | 86.5      | 85.5          | Tốt      |         |
| 17 | Nguyễn Thị Mỹ Linh        | 17/6/2003  | 93.0                       | 80.5      | 87.5      | 87.0          | Tốt      |         |
| 18 | Đỗ Thị Lợi                | 6/11/2003  | 90.0                       | 81.0      | 87.5      | 86.2          | Tốt      |         |
| 19 | Nguyễn Thị Trúc Ly        | 23/05/2002 | 88.0                       | 80.5      | 87.5      | 85.3          | Tốt      |         |
| 20 | Nguyễn Thị Ngọc Mai       | 28/06/2003 | 83.0                       | 55.5      | 87.0      | 75.2          | Khá      |         |
| 21 | Nguyễn Thị Ngọc Mai       | 05/04/2002 | 85.5                       | 71.0      | 87.0      | 81.2          | Tốt      |         |
| 22 | Điều Thị Ái Nga           | 11/9/2003  | 85.0                       | 71.0      | 87.5      | 81.2          | Tốt      |         |
| 23 | Đoàn Trang Nhung          | 19/2/2003  | 90.0                       | 82.5      | 87.5      | 86.7          | Tốt      |         |
| 24 | Hoàng Thị Phương          | 13/06/2003 | 92.0                       | 71.0      | 87.5      | 83.5          | Tốt      |         |
| 25 | Nguyễn Thị Phụng          | 26/7/2002  | 83.0                       | 80.5      | 87.5      | 83.7          | Tốt      |         |
| 26 | Điều Thị Quyn             | 11/7/2003  | 83.0                       | 81.0      | 92.5      | 85.5          | Tốt      |         |
| 27 | Lâm Điều Thị Hoàng Tâm    | 25/10/2003 | 83.0                       | 71.0      | 87.5      | 80.5          | Tốt      |         |
| 28 | Vi Thị Tâm                | 13/10/2003 | 85.0                       | 72.5      | 87.5      | 81.7          | Tốt      |         |
| 29 | Trần Lê Nghĩa Hoài Thương | 19/5/2003  | 87.0                       | 70.5      | 87.0      | 81.5          | Tốt      |         |
| 30 | Đinh Minh Trang           | 30/10/2000 | 94.0                       | 82.5      | 97.0      | 91.2          | Xuất sắc |         |
| 31 | Nguyễn Thị Ái Trâm        | 22/05/2003 | 89.0                       | 72.0      | 87.0      | 82.7          | Tốt      |         |

|    |                     |            |      |      |      |      |     |
|----|---------------------|------------|------|------|------|------|-----|
| 32 | Nguyễn Thị Nhật Vy  | 15/04/2003 | 85.5 | 72.0 | 87.5 | 81.7 | Tốt |
| 33 | Trần Thị Ngọc Huyền | 23/3/2002  | 88.0 | 88   | 87.0 | 87.7 | Tốt |

| Loại           | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------------|-------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc       | 2     | 6.1     | Trung bình | 0     | 0       |
| Tốt            | 30    | 90.9    | Yếu        | 0     | 0       |
| Khá            | 1     | 2.6     | Kém        | 0     | 0       |
| Trung bình Khá | 0     | 0.0     |            |       |         |

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CẢ NĂM  
LỚP K21CMN.25 - NĂM HỌC 2023- 2024**

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của HT Trường CD Bình Phước)  
Tổng số sinh viên: 33

| TT | Họ và Tên                 | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả rèn luyện |          |        |          | Ghi chú |
|----|---------------------------|------------|----------------------------|----------|--------|----------|---------|
|    |                           |            | Học kỳ 1                   | Học kỳ 2 | Cả năm | Xếp loại |         |
| 1  | Võ Hoài Ân                | 30/11/2003 | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 2  | Phạm Thị Hồng Ân          | 23/8/2003  | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 3  | Thị Bích                  | 01/06/2003 | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 4  | Dương Thị Ngọc Bích       | 10/3/2003  | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 5  | Điền Thị Bớt              | 17/4/2003  | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 6  | Đào Thị Hồng Dung         | 02/01/1997 | 92                         | 93       | 92.5   | Xuất sắc |         |
| 7  | Nguyễn Thị Thùy Dương     | 06/2/2003  | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 8  | Võ Thị Hà Giang           | 22/08/2003 | 92                         | 93       | 92.5   | Xuất sắc |         |
| 9  | Lê Ngọc Hồng Hạnh         | 12/10/2003 | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 10 | Hứa Thị Thúy Hằng         | 16/4/2001  | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 11 | Hoàng Thị Mỹ Hiền         | 16/9/2003  | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 12 | Điền Thị Mỹ Huệ           | 22/5/2000  | 86                         | 86       | 86.0   | Tốt      |         |
| 13 | Phạm Thị Huyền            | 22/08/2003 | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 14 | Nguyễn Thị Ngọc Khánh     | 28/10/2003 | 94                         | 95       | 94.5   | Xuất sắc |         |
| 15 | Điền Thị Khé              | 03/11/2002 | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 16 | Bùi Thị Thuý Liên         | 18/9/2002  | 85                         | 88       | 86.5   | Tốt      |         |
| 17 | Nguyễn Thị Mỹ Linh        | 17/6/2003  | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 18 | Đỗ Thị Lợi                | 6/11/2003  | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 19 | Nguyễn Thị Trúc Ly        | 23/05/2002 | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 20 | Nguyễn Thị Ngọc Mai       | 28/06/2003 | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 21 | Nguyễn Thị Ngọc Mai       | 05/04/2002 | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |
| 22 | Điền Thị Ái Nga           | 11/9/2003  | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 23 | Đoàn Trang Nhung          | 19/2/2003  | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 24 | Hoàng Thị Phương          | 13/06/2003 | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 25 | Nguyễn Thị Phương         | 26/7/2002  | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 26 | Điền Thị Quyn             | 11/7/2003  | 92                         | 93       | 92.5   | Xuất sắc |         |
| 27 | Lâm Điền Thị Hoàng Tâm    | 25/10/2003 | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 28 | Vi Thị Tâm                | 13/10/2003 | 87                         | 88       | 87.5   | Tốt      |         |
| 29 | Trần Lê Nghĩa Hoài Thương | 19/5/2003  | 87                         | 87       | 87.0   | Tốt      |         |

|    |                 |       |            |    |    |      |          |  |
|----|-----------------|-------|------------|----|----|------|----------|--|
| 30 | Đinh Minh       | Trang | 30/10/2000 | 97 | 97 | 97.0 | Xuất sắc |  |
| 31 | Nguyễn Thị Ái   | Trâm  | 22/05/2003 | 87 | 87 | 87.0 | Tốt      |  |
| 32 | Nguyễn Thị Nhật | Vy    | 15/04/2003 | 87 | 88 | 87.5 | Tốt      |  |
| 33 | Trần Thị Ngọc   | Huyền | 23/3/2002  | 87 | 87 | 87.0 | Tốt      |  |

| Xếp loại | Số HSSV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|---------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 5       | 15.2    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 28      | 84.8    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0       | 0.0     |            | 0     | 0.0     |

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HKI LỚP Y SỸ K2**  
(Năm học: 2022- 2023)

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)

Tổng số sinh viên: 10

| TT | Họ tên sinh viên    | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả rèn |          | Ghi chú |
|----|---------------------|------------|----------------------|----------|---------|
|    |                     |            | Học kỳ 1             | Xếp loại |         |
| 1  | Nguyễn Thị Hồng Cúc | 30/11/1986 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 2  | Lục Văn Tiến Đạt    | 24/07/2002 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 3  | Nguyễn Duy Đức      | 10/6/1983  | 84.0                 | Tốt      |         |
| 4  | Nguyễn Thị Hằng     | 10/6/1983  | 84.0                 | Tốt      |         |
| 5  | Nguyễn Thị Diễm My  | 27/12/1998 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 6  | Nguyễn Huy Ngọc     | 20/04/2002 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 7  | Đặng Thị Tố Quyên   | 07/7/2004  | 90.0                 | Xuất sắc |         |
| 8  | Lê Minh Tính        | 21/01/1996 | 91.0                 | Xuất sắc |         |
| 9  | Trương Đình Tùng    | 20/06/1991 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 10 | Lê Thành Tâm        | 08/8/1997  | 84                   | Tốt      |         |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|-------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 2     | 20.0    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 8     | 80.0    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0     | 0.0     |            |       |         |

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HKII LỚP Y SỸ K2**  
(Năm học: 2022- 2023)

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng  
Trường Cao đẳng Bình Phước)

Tổng số sinh viên: 10

| TT | Họ tên sinh viên    | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả rèn |          | Ghi chú |
|----|---------------------|------------|----------------------|----------|---------|
|    |                     |            | Học kỳ 2             | Xếp loại |         |
| 1  | Nguyễn Thị Hồng Cúc | 30/11/1986 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 2  | Lục Văn Tiên Đạt    | 24/07/2002 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 3  | Nguyễn Duy Đức      | 10/6/1983  | 84.0                 | Tốt      |         |
| 4  | Nguyễn Thị Hằng     | 10/6/1983  | 84.0                 | Tốt      |         |
| 5  | Nguyễn Thị Diễm My  | 27/12/1998 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 6  | Nguyễn Huy Ngọ      | 20/04/2002 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 7  | Đặng Thị Tố Quyên   | 07/7/2004  | 90.0                 | Xuất sắc |         |
| 8  | Lê Minh Tính        | 21/01/1996 | 90.0                 | Xuất sắc |         |
| 9  | Trương Đình Tùng    | 20/06/1991 | 84                   | Tốt      |         |
| 10 | Lê Thành Tâm        | 08/8/1997  | 84                   | Tốt      |         |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|-------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 2     | 20.0    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 8     | 80.0    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0     | 0.0     |            |       |         |

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HK1 LỚP 22TYS.2**

(Năm học: 2022- 2023)

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)

Tổng số sinh viên: 10

| TT | Họ tên sinh viên    | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả rèn |          | Ghi chú |
|----|---------------------|------------|----------------------|----------|---------|
|    |                     |            | Học kỳ 1             | Xếp loại |         |
| 1  | Nguyễn Thị Hồng Cúc | 30/11/1986 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 2  | Lục Văn Tiến Đạt    | 24/07/2002 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 3  | Nguyễn Duy Đức      | 06/10/1983 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 4  | Nguyễn Thị Hằng     | 06/10/1983 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 5  | Nguyễn Thị Diễm My  | 27/12/1998 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 6  | Nguyễn Huy Ngọ      | 20/04/2002 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 7  | Đặng Thị Tố Quyên   | 07/7/2004  | 90.0                 | Xuất sắc |         |
| 8  | Lê Minh Tính        | 21/01/1996 | 91.0                 | Xuất sắc |         |
| 9  | Trương Đình Tùng    | 20/06/1991 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 10 | Lê Thành Tâm        | 08/8/1997  | 84                   | Tốt      |         |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|-------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 2     | 20.0    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 8     | 80.0    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0     | 0.0     |            |       |         |

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN DANH GIẢ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HKII LỚP 22TYS.2**  
(Năm học: 2022- 2023)

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)

Tổng số sinh viên: 10

| TT | Họ tên sinh viên    | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả rèn |          | Ghi chú |
|----|---------------------|------------|----------------------|----------|---------|
|    |                     |            | Học kỳ 2             | Xếp loại |         |
| 1  | Nguyễn Thị Hồng Cúc | 30/11/1986 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 2  | Lục Văn Tiến Đạt    | 24/07/2002 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 3  | Nguyễn Duy Đức      | 06/10/1983 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 4  | Nguyễn Thị Hằng     | 06/10/1983 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 5  | Nguyễn Thị Diễm My  | 27/12/1998 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 6  | Nguyễn Huy Ngọ      | 20/04/2002 | 84.0                 | Tốt      |         |
| 7  | Đặng Thị Tố Quyên   | 07/7/2004  | 90.0                 | Xuất sắc |         |
| 8  | Lê Minh Tính        | 21/01/1996 | 90.0                 | Xuất sắc |         |
| 9  | Trương Đình Tùng    | 20/06/1991 | 84                   | Tốt      |         |
| 10 | Lê Thành Tâm        | 08/8/1997  | 84                   | Tốt      |         |

| Loại     | Số SV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|-------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 2     | 20.0    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 8     | 80.0    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0     | 0.0     |            |       |         |

**BẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CẢ NĂM LỚP 22TYS.2**

**Năm học: 2022 - 2023**

(Kèm theo Quyết định số 139/QĐ-CĐBP ngày 07 tháng 6 năm 2024 của  
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)

Tổng số sinh viên: 10

| TT | Họ tên sinh viên    | Ngày sinh  | Tổng hợp kết quả rèn luyện |          |        |          | Ghi chú |
|----|---------------------|------------|----------------------------|----------|--------|----------|---------|
|    |                     |            | Học kỳ 1                   | Học kỳ 2 | Cả năm | Xếp loại |         |
| 1  | Nguyễn Thị Hồng Cúc | 30/11/1986 | 84.0                       | 84.0     | 84.0   | Tốt      |         |
| 2  | Lục Văn Tiến Đạt    | 24/07/2002 | 84.0                       | 84.0     | 84.0   | Tốt      |         |
| 3  | Nguyễn Duy Đức      | 06/10/1983 | 84.0                       | 84.0     | 84.0   | Tốt      |         |
| 4  | Nguyễn Thị Hằng     | 06/10/1983 | 84.0                       | 84.0     | 84.0   | Tốt      |         |
| 5  | Nguyễn Thị Diễm My  | 27/12/1998 | 84.0                       | 84.0     | 84.0   | Tốt      |         |
| 6  | Nguyễn Huy Ngọ      | 20/04/2002 | 84.0                       | 84.0     | 84.0   | Tốt      |         |
| 7  | Đặng Thị Tố Quyên   | 07/7/2004  | 90.0                       | 90.0     | 90.0   | Xuất sắc |         |
| 8  | Lê Minh Tính        | 21/01/1996 | 91.0                       | 90.0     | 90.5   | Xuất sắc |         |
| 9  | Trương Đình Tùng    | 20/06/1991 | 84.0                       | 84       | 84.0   | Tốt      |         |
| 10 | Lê Thành Tâm        | 08/8/1997  | 84                         | 84       | 84.0   | Tốt      |         |

| Xếp loại | Số HSSV | Tỷ lệ % | Loại       | Số SV | Tỷ lệ % |
|----------|---------|---------|------------|-------|---------|
| Xuất sắc | 2       | 20.0    | Trung bình | 0     | 0.0     |
| Tốt      | 8       | 80.0    | Yếu        | 0     | 0.0     |
| Khá      | 0       | 0.0     |            |       |         |